TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2019/KDTM-ST
Ngày: 16-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiển

Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-KDTM ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: đường T, Phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện V, tỉnh Kiên Giang; đại diện theo văn bản ủy quyền số 113/UQ –CNRG ngày 02 tháng 11 năm 2018. (Ông D có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; (Có mặt)

2. Bà Võ Thị V, sinh năm 1967; (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái D trình bày*:**

Theo hợp đồng tín dụng số TA1316/HĐTD ngày 12/7/2011 thì Ngân hàng TMCP K - PGD V cho bị đơn vợ chồng ông T, bà V vay số tiền 40.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, ngày đến hạn là 12/7/2012. Mục đích cho vay làm dịch vụ ép cừ tràm, sửa chữa quán ăn uống. Lãi suất cho vay từ ngày 12/7/2011 đến 12/10/2011 là 2%/tháng. Kể từ ngày 13/10/2011 trở đi lãi suất cho vay điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất + biên độ 0.64%/tháng. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị. Mức phạt chậm trả lãi là 0.1 %/ngày. Lãi suất nợ quá hạn là 150% (1.5 lần) lãi suất cho vay tại thời điểm nợ quá hạn. Hình thức thanh toán là trả lãi 03 tháng/lần, trả gốc 12 tháng. Tài sản thế chấp là QSD đất diện tích 3570m^2, tờ bản đồ 01, thửa số 286 và 289 theo giấy chứng nhận số V 611532 do UBND huyện Vĩnh Thuận cấp ngày 30/7/2003 đứng tên là hộ ông (bà) Nguyễn Văn T; đất tọa lạc tại ấp Cạnh Đền 1 (nay ấp Cạnh Đền), xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Từ ngày vay đến nay bị đơn đã nhiều lần vi phạm hợp đồng, chưa thanh toán gốc, tiền lãi. Nay yêu cầu bị đơn phải trả nợ tổng số tiền 168.638.299đ (trong đó nợ gốc là 40.000.000đ, lãi trong hạn 9.664.000đ, lãi quá hạn 93.784.000đ, tiền phạt chậm trả lãi là 25.190.299đ) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị V trình bày:

Thừa nhận khoản nợ vay, tài sản thế chấp nợ vay theo ông Nguyễn Thái D trình bày, từ khi vay đến nay chưa thanh toán gốc, lãi. Nay đồng ý trả tổng số nợ là 168.638.299đ (trong đó nợ gốc là 40.000.000đ, lãi trong hạn 9.664.000đ, lãi quá hạn 93.784.000đ, tiền phạt chậm trả lãi là 25.190.299đ) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Do khó khăn nên xin trả dần nhiều lần, trả mỗi năm là 20.000.000đ tiền gốc, lãi. Trả dần nhiều lần cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị V có đơn xin vắng mặt phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay do phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng vay tài sản " theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay nợ gốc là 168.638.299đ (trong đó nợ gốc là 40.000.000đ, lãi trong hạn 9.664.000đ, lãi quá hạn 93.784.000đ, tiền phạt chậm trả lãi là 25.190.299đ) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại phiên tòa bị đơn ông T xác định chưa thanh toán gốc, lãi và thừa nhận còn thiếu tổng số tiền là 168.638.299đ theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nên căn cứ khoản 2 Điều 92 *(quy định các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh)* của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, hội đồng xét xử xác định tổng số tiền 168.638.299đ bị đơn thừa nhận chưa thanh toán là sự thật. Đối với tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 91 *(quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng)* của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên toàn bộ yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn được sự chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin trả dần nợ gốc, tiền lãi của bị đơn mỗi năm là 20.000.000đ và trả dần cho đến khi dứt nợ do không được sự chấp thuận của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận việc trả dần nhiều lần theo đề nghị của bị đơn.

Căn cứ Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*); Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*) của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 *(quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng)* của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của

nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà V trả số tiền vay nợ gốc là 40.000.000đ, lãi trong hạn 9.664.000đ, lãi quá hạn 93.784.000đ, tiền phạt chậm trả lãi là 25.190.299đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 168.638.299 x 5% = 8.431.914đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 30, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị V có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền vay nợ gốc và tiền lãi là 168.638.299đ (trong đó nợ gốc là 40.000.000đ, lãi trong hạn 9.664.000đ, lãi quá hạn 93.784.000đ, tiền phạt chậm trả lãi là 25.190.299đ).

Đồng thời bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này.

Trường hợp bị đơn ông T, bà V không thanh toán số tiền trên thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp QSD đất của khách hàng số TA 1316/HĐTC ngày 12/72011 tại UBND xã Vĩnh Phong là QSD đất có diện tích 3.570m^2 thuộc thửa đất số 286, 289, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Cạnh Đền 1 (nay ấp Cạnh Đền), xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận QSD đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất 001817 do UBND huyện Vĩnh Thuận cấp ngày 30/7/2003 để thu hồi nợ.

2. Án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí d ân sự sơ thẩm là 8.431.914đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.952.000đ theo biên lai thu số 0002200 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/4/2019). Bị đơn bà V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng